

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH
Bản án số: 87/2023/HS-ST
Ngày: 24/7/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Xuân Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Diện

2. Ông Đinh Minh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy – Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Mai Loan - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Thị H**, sinh năm 1985; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu phố Đ, phường C, thành phố T, tỉnh B; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1962 (Danh chỉ bản: Phạm Văn D) và bà Trần Thị X, sinh năm 1963; gia đình có 05 chị em, bị cáo là thứ hai; có chồng là Phạm Văn S, sinh năm 1982 và 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/10/2022 đến 12/12/2022 được thay thế bằng biện pháp “Bảo lãnh”; hiện tại ngoại; có mặt.

2. **Trần Thị T**, sinh năm 1984; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu phố Đ, phường C, thành phố T, tỉnh B; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M, sinh năm 1963 và bà Trần Thị T, sinh năm 1962; gia đình có 06 chị em, bị cáo là thứ nhất; có chồng là Trần Đình H, sinh năm 1984 và 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/10/2022 đến ngày 12/12/2022 được thay thế bằng biện pháp “Bảo lãnh”; hiện tại ngoại; có mặt.

3. **Trần Đức T**, sinh năm 1984; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm mới B, khu phố Đ, phường C, thành phố T, tỉnh B; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức T, sinh năm 1960 và bà Trần Thị D, sinh năm 1960; gia đình có 05 anh em, bị cáo là thứ nhất; có vợ là Trần Thị T, sinh năm 1984 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 07/12/2022 đến ngày 12/12/2022 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại; có mặt

4. **Đặng Tuấn A**, sinh năm 1976; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Số 11 – LK12, khu đô thị V, phường P, quận H, thành phố H; nghề nghiệp: Kinh Doanh; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 21/7/2023 theo Quyết định số 91-QĐ/UBKTQU ngày 21/7/2023 của Ủy ban kiểm tra Quận ủy Hà Đông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Quốc T, sinh năm 1943 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1947 (đều đã chết); gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất; có vợ là Đỗ Thị Mỹ H, sinh năm 1978 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 15/11/2022 đến ngày 18/11/2022 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại; có mặt.

5. **Trần Thị T**, sinh năm 1994; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khu phố Đ, phường C, thành phố T, tỉnh B; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức D, sinh năm 1957 và bà Phạm Thị S, sinh năm 1961; gia đình có 05 anh em, bị cáo là thứ ba; có chồng là Trần Đức A, sinh năm 1993 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại; có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phạm Văn S, sinh năm 1982 (chồng bị cáo H);
2. Chị Đỗ Thị Mỹ H, sinh năm 1978 (vợ của Tuấn A);
3. Anh Trần Đình H, sinh năm 1984 (chồng của T);
4. Chị Trần Thị T, sinh năm 1984 (vợ của bị cáo T);

** Người làm chứng:*

1. Anh Trần Văn T, sinh năm 1997;
2. Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1980;
3. Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1986;

4. Chị Ngô Thị G, sinh năm 1984;
5. Chị Hà Thị H, sinh năm 1992;
6. Chị Phạm Thị C, sinh năm 1990;
7. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1977;
8. Chị Trần Thị P, sinh năm 1989;
9. Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1993;
10. Anh Trần Đức A, sinh năm 1993;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua công tác theo dõi, nắm tình hình địa bàn, Phòng Cảnh sát kinh tế (PC03) Công an tỉnh Bắc Ninh phát hiện hành vi có dấu hiệu “Mua bán trái phép hóa đơn” xảy ra tại 03 công ty gồm: Công ty TNHH sản xuất thương mại Thép Hà Huy (viết tắt là Công ty Hà Huy), chuyên sản xuất kinh doanh thương mại các mặt hàng sắt, thép, kim loại. Địa chỉ: Khu phố Đ, phường C, thành phố T, tỉnh B, do Phạm Thị H làm giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty; Công ty TNHH sản xuất thương mại Nhôm Hùng Cường Phát (viết tắt là Công ty Hùng Cường Phát), chuyên sản xuất, kinh doanh thương mại các mặt hàng kim loại quý và kim loại màu và nhôm. Địa chỉ: Lô 11, Cụm Công nghiệp làng nghề M, xã V, huyện Y, tỉnh B do Trần Thị T làm giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty; Công ty TNHH thương mại kinh doanh tổng hợp Phú An (viết tắt là Công ty Phú An) chuyên kinh doanh buôn bán kim loại và quặng kim loại, địa chỉ: Khu phố Đ, phường C, thành phố T, tỉnh B do làm giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty. Quá trình điều tra xác định:

1. Hành vi phạm tội của Phạm Thị H

Công ty Hà Huy được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp giấy phép kinh doanh ngày 12/11/2019 do Phạm Thị H làm giám đốc, đại diện pháp luật của công ty. Công ty hoạt động từ khi thành lập đến tháng 11/2021 thì ngừng hoạt động.

Để đảm bảo hoạt động của công ty, H mở tài khoản mang tên Công ty Hà Huy số: 43310000506080 tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) chi nhánh T; bổ nhiệm Trần Văn T, sinh năm 1997 (em họ H) làm Kế toán trưởng; thuê Nguyễn Thị H, ở TP T (H không biết lai lịch, nhân thân cụ thể của H) làm kế toán thuế thời vụ. Do là Công ty một thành viên, hoạt động kinh doanh thương mại, nên không thành lập phòng, ban và thuê nhân viên.

Quá trình hoạt động kinh doanh, có một số đơn vị, cá nhân đến gặp H đặt vấn đề mua hóa đơn giá trị gia tăng (viết tắt là GTGT) không (không có hàng hóa dịch vụ kèm theo) của Công ty Hà Huy. Thấy việc mua, bán không hóa đơn GTGT kiếm lợi nhuận dễ dàng nên H đồng ý bán hóa đơn GTGT không cho những đơn vị, cá nhân đến đặt mua, cụ thể như sau:

**** Hành vi bán trái phép hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH thương mại Duệ Trí (viết tắt là Công ty Duệ Trí):***

Đầu năm 2020 H quen biết Đặng Tuấn A là giám đốc Công ty TNHH thương mại Duệ Trí, địa chỉ trụ sở tại đường Y, phường D, quận H, TP. H. Tháng 11/2020 Tuấn A đặt vấn đề mua không hóa đơn GTGT của Công ty Hà Huy để hợp thức hóa hóa đơn đầu vào cho những số hóa đơn của Công ty Duệ Trí đã xuất bán không trước đó. H đồng ý, thỏa thuận bán hóa đơn GTGT cho Tuấn A với giá 2,4% trên tổng giá trị tiền hàng hóa chưa tính thuế ghi trên hóa đơn.

- *Cách thức thực hiện hành vi:* Theo thỏa thuận thì Tuấn A cung cấp thông tin tên công ty để H soạn thảo hợp đồng nguyên tắc; cung cấp số lượng, chủng loại hàng hóa, đơn giá để H soạn thảo bảng đối chiếu khối lượng, giá trị cấp vật tư như là giao dịch có hàng hóa thật. Sau đó H chỉ đạo Nguyễn Thị H- Kế toán thuế thời vụ viết hóa đơn GTGT, H ký tên, đóng dấu vào mục thủ trưởng đơn vị trên các chứng từ như: Hợp đồng, Hóa đơn GTGT, bảng đối chiếu khối lượng, giá trị cấp vật tư rồi chuyển các chứng từ trên cho Tuấn A bằng cách gửi chuyển phát nhanh đến địa chỉ văn phòng của Công ty Duệ Trí hoặc đưa trực tiếp cho Tuấn A.

- *Việc thanh toán tiền hàng hóa và tiền mua bán hóa đơn GTGT:* Sau khi nhận được hợp đồng, hóa đơn GTGT và các chứng từ khác của việc mua hóa đơn do H chuyển, Tuấn A chuyển toàn bộ số tiền hàng ghi trên hóa đơn GTGT từ tài khoản số 45010002800631 của Công ty Duệ Trí mở tại ngân hàng BIDV chi nhánh Hà Đông đến tài khoản ngân hàng số 43310000506080 của Công ty Hà Huy. H sau đó trực tiếp rút tiền mặt hoặc đưa giấy rút tiền mặt của Công ty Hà Huy cho Trần Văn T- Kế toán trưởng công ty bảo T đến ngân hàng rút toàn bộ số tiền mà Công ty Duệ Trí chuyển đến. Đối với những lần H chỉ đạo T đi rút tiền thì sau khi rút được tiền, T chuyển lại toàn bộ số tiền đã rút cho H. Sau mỗi lần rút được tiền do Công ty Duệ Trí chuyển đến, H trả lại toàn bộ số tiền mặt đã rút cho Tuấn A. Sau đó, Tuấn A thanh toán trực tiếp cho H tiền mua hóa đơn không là 2,4% trên tổng giá trị hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn. Việc giao nhận tiền giữa H và Tuấn A như nêu trên, hai bên không có giấy tờ hoặc sổ sách ghi chép.

Với cách thức nêu trên, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2020 đến tháng 11/2021, Phạm Thị H đã xuất bán không 60 số hóa đơn GTGT mang tên đơn vị bán hàng Công ty Hà Huy cho Công ty Duệ Trí với tổng trị giá tiền hàng ghi trên hóa đơn 41.809.752.978đ, tiền thuế 4.180.975.297đ với giá 2,4% tổng giá trị tiền hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn. Tổng số tiền H nhận được từ việc xuất bán không 60 số hóa đơn GTGT là: $41.809.752.978đ \times 2,4\% = 1.003.434.071đ$.

**** Hành vi bán trái phép hóa đơn GTGT cho Công ty Hùng Cường Phát:***

Tháng 3/2021, Trần Thị T- Giám đốc Công ty Hùng Cường Phát (bạn cùng khu phố với Phạm Thị H) gặp Hà đặt vấn đề mua không hóa đơn GTGT của Công ty Hà Huy để hợp thức hóa hóa đơn đầu vào cho những số hóa đơn của Công ty Hùng Cường Phát đã xuất bán không trước đó. H đồng ý, thỏa thuận bán hóa đơn GTGT cho Thịnh với giá 2,5% trên tổng giá trị hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn.

- *Cách thức thực hiện hành vi:* Cũng với cách thức như việc bán hóa đơn GTGT cho Đặng Tuấn A, sau khi hoàn tất các chứng từ H liên hệ cho T đến trụ sở Công ty Hà Huy nhận hợp đồng, hóa đơn GTGT, bảng đối chiếu khối lượng, giá trị cấp vật tư ...

- *Việc thanh toán tiền mua bán hóa đơn GTGT:* Khi H chuyển cho T hợp đồng, hóa đơn GTGT và các chứng từ khác của việc mua hóa đơn thì H đồng thời đưa cho T tiền mặt bằng với tổng số tiền hàng ghi trên hóa đơn để T chuyển vào tài khoản ngân hàng số 43310000597118 của Công ty Hùng Cường Phát mở tại ngân hàng BIDV chi nhánh Từ Sơn. Sau khi đã chuyển tiền vào tài khoản của Công ty Hùng Cường Phát, T ủy nhiệm chi thanh toán tiền hàng trả cho Công ty Hà Huy vào tài khoản số 43310000506080. Còn tiền mua hóa đơn không với giá 2,5% trên tổng giá trị hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn T thanh toán trực tiếp cho H bằng tiền mặt. Việc giao nhận tiền giữa H và T như nêu trên, hai bên không có giấy tờ hoặc sổ sách ghi chép.

Với cách thức nêu trên, trong khoảng thời gian từ tháng 3/2021 đến tháng 8/2021, Phạm Thị H đã xuất bán không 24 số hóa đơn GTGT mang tên đơn vị bán hàng Công ty Hà Huy cho Công ty Hùng Cường Phát với tổng trị giá tiền hàng ghi trên hóa đơn 64.146.135.000đ, tiền thuế 6.414.613.500đ với giá 2,5% trên tổng giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn. Số tiền H nhận được từ việc bán không 24 số hóa đơn GTGT là: $64.146.135.000đ \times 2,5\% = 1.603.653.375đ$.

Ngoài ra, từ cuối tháng 12/2020 đến tháng 2/2021, H còn bán hóa đơn GTGT không cho một số khách hàng, với giá là 2,4% trên tổng giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn. Cách thức thực hiện hành vi tương tự như đối với việc bán hóa đơn GTGT không cho Công ty Duệ Trí và Công ty Hùng Cường Phát. Việc thanh toán tiền hàng, H yêu cầu khách hàng chuyển qua tài khoản ngân hàng số

43310000506080 hoặc số 110002806239 của Công ty Hà Huy mở tại ngân hàng Viettinbank chi nhánh Tiên Sơn và BIDV chi nhánh Từ Sơn. Sau khi nhận được tiền H lấy tiền mặt hoặc rút tiền mặt trong tài khoản trả lại cho khách và giữ lại 2,4% tiền bán hóa đơn GTGT không. Việc trả và thanh toán tiền mua bán hóa đơn GTGT không nêu trên giữa H và khách hàng không có giấy tờ, sổ sách ghi chép, cụ thể:

- Tháng 12/2020 thông qua một phụ nữ (H không biết tên tuổi, địa chỉ, lai lịch), H bán không 03 số hóa đơn GTGT (kí hiệu HH/19P) của Công ty Hà Huy cho Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ và xây dựng Thoan Tám (viết tắt là Công ty Thoan Tám) địa chỉ tại Khu Chạc Ba, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương do Phan Thị T, sinh năm 1973 làm giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty, với tổng trị giá tiền hàng ghi trên hóa đơn là: 3.643.455.000đ, tiền thuế 364.345.500đ. Số tiền H nhận được từ việc bán không 03 số hóa đơn GTGT là: $3.643.455.000đ \times 2,4\% = 87.442.920đ$.

- Tháng 1/2021 thông qua người đàn ông tên H (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ), H bán không 03 số hóa đơn GTGT (kí hiệu HH/19P) của Công ty Hà Huy cho Công ty TNHH thép Ngọc Tuấn SC (viết tắt là Công ty Ngọc Tuấn SC), địa chỉ tại: Tổ dân phố C, phường B, TP. S, tỉnh T do Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 làm giám đốc, với tổng trị giá tiền hàng ghi trên hóa đơn 1.972.487.000đ, tiền thuế 197.248.700đ. Số tiền Hà nhận được từ việc bán không 03 số hóa đơn GTGT là: $1.972.487.000đ \times 2,4\% = 47.339.688đ$.

- Tháng 2/2021 thông qua người phụ nữ tên L (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ), Hà bán không 01 số hóa đơn GTGT (kí hiệu HH/19P) của Công ty Hà Huy cho Công ty TNHH thương mại quốc tế Bảo Trí (viết tắt là Công ty Bảo Trí), địa chỉ tại: Lô 33, đường Lê Thánh Tông, khu Khả Lễ, phường Võ Cường, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh do Thân Văn T là Chủ tịch hội đồng thành viên, với tổng trị giá tiền hàng ghi trên hóa đơn 1.311.085.500đ, tiền thuế 131.108.550đ. Số tiền Hà nhận được từ việc bán không 03 số hóa đơn GTGT là: $1.311.085.500đ \times 2,4\% = 31.466.052đ$.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh đối với 03 công ty (Công ty Thoan Tám, Công ty Ngọc Tuấn SC và Công ty Bảo Trí), làm việc với đại diện của các công ty đều khẳng định mua hàng thật của người (không rõ nhân thân, lai lịch) giới thiệu là nhân viên của Công ty Hà Huy, những người này khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ đã xuất trả hóa đơn, chứng từ của công ty Hà Huy. Quá trình mua hàng hóa có hợp đồng kinh tế, biên bản giao nhận hàng hóa kèm phiếu xuất kho...thanh toán chuyển khoản tiền hàng qua ngân hàng theo đúng quy định, không có việc mua không hóa đơn GTGT.

Như vậy, trong thời gian từ tháng 11/2020 đến tháng 10/2021 Phạm Thị H đã xuất bán không 91 số hóa đơn GTGT của Công ty Hà Huy cho 05 công ty với tổng giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là 112.882.915.478đ, tiền thuế: 11.288.291.548đ với giá bán hóa đơn từ 2,4-2,5% trên tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn. Tổng số tiền H nhận được từ việc bán 91 số hóa đơn GTGT cho 05 công ty là: 1.003.434.071đ + 1.603.653.375đ + 87.442.920đ + 47.339.688đ + 31.466.052đ = **2.773.336.106đ (Phụ lục 1A).**

*** Hành vi mua không hóa đơn GTGT:**

Để hợp thức hóa kê khai báo cáo thuế đối với 91 số hóa đơn GTGT xuất bán không cho khách hàng, H liên hệ và gặp trực tiếp một người tên C nhà ở khu Đ, phường C, TP. T, tỉnh B và T, nhân viên của C (H không biết nhân thân, lai lịch cụ thể của C và T) mua không 85 số hóa đơn GTGT của 07 công ty {**Phụ lục 1B**} với tổng tiền hàng ghi trên hóa đơn 111.947.432.605đ, tiền thuế 11.194.743.260đ với giá 2,1% trên tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn, cụ thể như sau:

Vào cuối tháng hoặc cuối quý, Phạm Thị H tự cân đối số lượng hàng hóa và tiền ghi trên hóa đơn GTGT đã xuất không cho khách hàng rồi liên hệ cho C để C soạn thảo hợp đồng nguyên tắc; cung cấp số liệu cho T để T làm các thủ tục như: Biên bản giao nhận hàng kèm phiếu xuất kho, chứng từ liên quan, hóa đơn GTGT, trình Công ký tên giám đốc, đóng dấu công ty. Sau khi có hóa đơn thì T gọi điện cho H đến gặp T để nhận hóa đơn. H và C thống nhất tiền mua hóa đơn H thanh toán bằng tiền mặt cho C vào cuối tháng. Còn việc hợp thức hóa thanh toán chuyển khoản tiền hàng ghi trên hóa đơn thì mỗi lần phát sinh giao dịch C giao cho nhân viên của C gọi điện cho H đến ngân hàng BIDV chi nhánh T. Sau đó, nhân viên của C đưa tiền mặt cho H bằng với số tiền hàng hóa ghi trên hóa đơn để H nộp tiền vào tài khoản số 43310000506080 của Công ty Hà Huy. Sau khi nộp tiền vào tài khoản H thực hiện việc ủy nhiệm chi thanh toán toàn bộ số tiền hàng vào các tài khoản của các đơn vị xuất bán hóa đơn GTGT cho Công ty Hà Huy. Tổng số tiền H phải trả cho việc mua không 85 số hóa đơn GTGT của 07 công ty thông qua Công và Thoa là: 111.947.432.605 x 2,1% = 2.350.896.048đ.

Như vậy, số tiền Phạm Thị H được hưởng lợi từ việc mua, bán trái phép hóa đơn GTGT là: 2.773.336.106đ - 2.350.896.048đ = **422.440.022đ**

Ngày 11/10/2022 Phạm Thị H đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh đầu thú khai nhận về hành vi phạm tội của mình và giao nộp 422.441.000đ tiền thu lợi bất chính.

Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh 07 công ty đã xuất bán hóa đơn không đầu vào cho H; xác minh làm việc với giám đốc, người đại diện của

các doanh nghiệp trên, kết quả: Chưa có các công ty treo biển, hoạt động tại địa chỉ trụ sở đăng ký với cơ quan thuế; những người đứng tên giám đốc, người đại diện pháp luật của các công ty khẳng định không đứng tên thành lập công ty, hoặc không có mặt ở địa phương nơi cư trú.

**** Việc kê khai, báo cáo thuế đối với các sổ hóa đơn không***

Việc kê khai, báo cáo thuế và báo cáo tài chính cho công ty Hà Huy được thực hiện như sau: Khi đến kỳ báo cáo thuế, báo cáo tài chính trên cơ sở các hóa đơn, chứng từ à chỉ đạo Nguyễn Thị H tập hợp các chứng từ đầu ra, đầu vào để kê khai, báo cáo. Toàn bộ các sổ hóa đơn GTGT mua vào và bán ra đã được Công ty Hà Huy kê khai báo cáo thuế tại Chi cục thuế khu vực Từ Sơn- Yên Phong.

2. Hành vi phạm tội của Đặng Tuấn A- Giám đốc Công ty Duệ Trí.

Quá trình điều tra vụ án, cơ quan điều tra xác định Công ty Duệ Trí, trụ sở tại: Số 08, ngách 112/19 đường Y, phường D, quận H, TP H do Đặng Tuấn A, sinh năm 1976 làm Giám đốc, đại diện theo pháp luật của công ty và nhờ vợ là Đỗ Thị Mỹ H, sinh năm 1978 đứng tên Kế toán trưởng công ty; Kế toán thuế là Nguyễn Đình H, sinh năm 1980, trú tại khu phố N, phường Đ, TP T, tỉnh B. Công ty Duệ Trí sử dụng 60 sổ hóa đơn GTGT nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo của Công ty Hà Huy do Phạm Thị H làm giám đốc, với tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn 41.809.752.978đ, tiền thuế 4.180.975.297đ.

Ngày 14/11/2022 Đặng Tuấn A đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận như sau:

Tháng 10/2018 Tuấn A mua lại toàn bộ cổ phần và đứng tên Giám đốc, đại diện pháp luật của Công ty Duệ Trí. Trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, từ tháng 11/2020 đến tháng 11/2021 có một số khách hàng đến hỏi mua không hóa đơn GTGT của Công ty Duệ Trí, Tuấn A đồng ý và thỏa thuận, trao đổi cách thức bán không hóa đơn GTGT, theo đó Tuấn A bán hóa đơn GTGT không với giá 2,6% tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn. Để cân đối sổ hóa đơn GTGT đã bán ra, Tuấn A liên hệ với bị cáo Phạm Thị H, là Giám đốc công ty Hà Huy mua không hóa đơn GTGT đầu vào với giá 2,4%/ tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn, cụ thể như sau:

**** Hành vi bán không hóa đơn GTGT***

Tháng 11/2020, có người tên T và T (Tuấn A không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể) đến trụ sở Công ty Duệ Trí đặt vấn đề mua không hóa đơn GTGT của Công ty Duệ Trí cho Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Đông Sơn (viết tắt là Công ty Đông Sơn), địa chỉ tại: Số nhà 116, đường Đ, phường C, quận B, TP H; Công ty cổ phần thiết bị PCCC Hoàng Long (viết tắt là Công ty Hoàng Long), địa chỉ trụ sở: Số nhà 55, xóm Đ, xã T, huyện T, TP. H và Công ty cổ phần giải

pháp cơ điện GS (viết tắt là Công ty GS), địa chỉ trụ sở: Số 02, Lô F1, Khu đô thị mới Đ, đường N, phường Đ, quận H, TP H. Tuấn A đồng ý, thỏa thuận bán hóa đơn GTGT cho T và T với giá là 2,6% /tổng giá trị tiền hàng hóa chưa tính thuế ghi trên hóa đơn.

- *Cách thức thực hiện hành vi*: Theo thỏa thuận Tuấn A lập hợp đồng nguyên tắc, ký tên, đóng sẵn dấu Công ty Duệ Trí đưa cho T, T. Khi nào cần mua hóa đơn không thì T và T liên hệ với Tuấn A cung cấp số lượng, chủng loại hàng hóa, đơn giá để Tuấn A lập hóa đơn, biên bản giao nhận hàng kiêm phiếu xuất kho. Sau đó, Tuấn A ký tên tại mục thủ trưởng đơn vị trên hóa đơn và đóng dấu của Công ty Duệ Trí, còn tại mục người bán hàng và biên bản giao nhận hàng thì Tuấn A nhờ nhân viên công ty gồm: Nguyễn Minh T hoặc Ngô Duy L, Phùng Bá C ký tên. Sau đó, T và T trực tiếp đến Công ty Duệ Trí gặp Tuấn A để lấy hóa đơn, chứng từ.

- *Việc thanh toán tiền mua bán hóa đơn GTGT*: Đề hợp thức giao dịch thanh toán qua ngân hàng đối với các hóa đơn trên thì khi Công ty Đông Sơn, Công ty Hoàng Long và Công ty GS chuyển khoản thanh toán tiền hàng từ tài khoản của các công ty này đến tài khoản số 45010002800631 của Công ty Duệ Trí mở tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Hà Đông, T và T trực tiếp đến Công ty Duệ Trí đề nghị Tuấn A rút toàn bộ số tiền ra trả lại cho T và T. Có một số lần, do cần tiền trong tài khoản công ty để thực hiện thanh toán công nợ cho khách hàng khác nên Tuấn A đã lấy tiền mặt trả lại toàn bộ số tiền nhận được từ các giao dịch trên cho T và T. Sau khi nhận được tiền thì T và T trả tiền mua không hóa đơn với giá 2,6% cho Tuấn A. Việc giao nhận tiền không có giấy tờ hoặc sổ sách ghi chép.

Với cách thức nêu trên, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2020 đến tháng 11/2021, Đặng Tuấn A đã xuất bán không 94 số hóa đơn mang tên đơn vị bán hàng là Công ty Duệ Trí cho Công ty Đông Sơn, Công ty Hoàng Long, Công ty GS với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế là: 42.090.164.205đ, tiền thuế là 4.209.016.420đ. **(Phụ lục 2A)**. Cụ thể:

- Xuất bán không cho Công ty Đông Sơn 33 số hóa đơn GTGT, với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế là 13.089.512.400đ, tiền thuế 1.308.951.240đ;

- Xuất bán không cho Công ty Hoàng Long 55 số hóa đơn GTGT, với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế là 17.798.929.105đ, tiền thuế 1.779.892.911đ;

- Xuất bán không cho Công ty GS 06 số hóa đơn GTGT, với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế là 11.201.722.700đ, tiền thuế là: 1.120.172.270đ.

Tổng số tiền Đặng Tuấn A nhận được từ việc bán 94 số hóa đơn GTGT không là: $42.090.164.205đ \times 2,6\% = 1.094.344.269đ$.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, làm việc với đại diện của Công ty Hoàng Long, Công ty Đông Sơn, Công ty GS, xác định: Các công ty đều mua hàng hóa có thật của những người trình bày là nhân viên của Công ty Duệ Trí. Việc mua bán có hóa đơn, chứng từ đầy đủ và đã thanh toán tiền hàng bằng hình thức chuyển khoản cho công ty Duệ Trí. Hàng hóa được giao nhận tại kho, xưởng hoặc công trường để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty. Không có việc mua hóa đơn không hoặc biết rõ hóa đơn là bất hợp pháp nhưng vẫn sử dụng.

**** Hành vi mua không hóa đơn GTGT:***

Đề hợp thức hóa 94 số hóa đơn GTGT đã bán ra, Tuấn Anh đã thỏa thuận, mua không của bị cáo Phạm Thị H - Giám đốc Công ty Hà Huy 60 số hóa đơn GTGT mang tên đơn vị bán hàng Công ty Hà Huy (với cách thức như nêu trên). Tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn 41.809.752.978đ, tiền thuế 4.180.975.297đ với giá 2,4% tổng giá trị tiền hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn.

Tổng số tiền Tuấn A phải trả cho việc mua không 60 số hóa đơn GTGT của Công ty Hà Huy do Phạm Thị Hà làm giám đốc là: $41.809.752.978đ \times 2,4\% = 1.003.434.071đ$.

Như vậy, số tiền Đặng Tuấn A được hưởng lợi từ việc mua, bán trái phép hóa đơn GTGT là: $1.094.344.269đ - 1.003.434.071đ = 90.910.198đ$

**** Việc kê khai, báo cáo thuế đối với các số hóa đơn mua bán không***

Khi đến kỳ báo cáo thuế, báo cáo tài chính trên cơ sở các hóa đơn, chứng từ Tuấn A chỉ đạo Nguyễn Đình H (kế toán thuế của công ty) tập hợp các chứng từ đầu ra, đầu vào để kê khai, báo cáo. Toàn bộ các số hóa đơn GTGT mua vào và bán ra đã được Công ty Duệ Trí kê khai báo cáo thuế tại Chi cục thuế quận Hà Đông- Hà Nội.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Đặng Tuấn A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên và tự nguyện giao nộp 90.911.000đ tiền hưởng lợi bất chính.

3. Hành vi phạm tội của Trần Thị T- Giám đốc Công ty Hùng Cường Phát

Trên cơ sở kết quả điều tra các công ty sử dụng hóa đơn GTGT xuất bán không của Công ty Hà Huy do Phạm Thị H làm giám đốc, xác định: Công ty Hùng Cường Phát (Công ty một thành viên) có trụ sở đặt tại lô C11, Cụm công nghiệp làng nghề M, xã V, huyện Y, tỉnh B được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh B cấp giấy phép thành lập ngày 16/10/2020, do Trần Thị T làm giám đốc, đại diện theo pháp luật và kiêm Kế toán trưởng của công ty; Kế toán thuế là Ngô Thị G. Do là Công ty một thành viên, hoạt động kinh doanh thương mại, nên không thành lập phòng, ban

và thuê nhân viên. Công ty Hùng Cường Phát sử dụng 24 số hóa đơn GTGT không của Công ty Hà Huy, với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn 64.146.135.000đ, tiền thuế 6.414.613.500đ.

Ngày 11/10/2022 Trần Thị T đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận như sau:

**** Hành vi bán không hóa đơn GTGT:***

Tháng 3/2021 có người tên H (T không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể) đến trụ sở Công ty Hùng Cường Phát hỏi mua không hóa đơn GTGT của Công ty Hùng Cường Phát cho Công ty TNHH Seojin System Vina (viết tắt là Công ty Seojin), địa chỉ tại Lô 23, đường TS 5, khu công nghiệp T, phường Đ, TP. T, tỉnh B; Công ty TNHH Nhôm Đông Á (viết tắt là Công ty Nhôm Đông Á), địa chỉ tại Cụm công nghiệp T, phường T, TP. C, tỉnh H; Công ty TNHH Chang Xin Việt Nam (viết tắt là Công ty Chang Xin), địa chỉ tại: Lô C12, khu công nghiệp K, xã K, huyện Y, N; Công ty cổ phần Hyundai Aluminum Vina (viết tắt là Công ty Hyundai Vina), địa chỉ tại đường B2, khu B, khu công nghiệp P, xã L, huyện V, H. T đồng ý, thỏa thuận bán hóa đơn GTGT cho H với giá là 2,6% /tổng giá trị tiền hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn.

- *Cách thức thực hiện hành vi:* T và H thống nhất khi nào H có nhu cầu mua hóa đơn GTGT thì gọi điện thoại cho T báo số lượng, chủng loại, giá cả hàng hóa, thông tin doanh nghiệp cần xuất hóa đơn không để Thịnh soạn thảo hợp đồng, viết hóa đơn, chứng từ, biên bản giao nhận hàng hóa, phiếu xuất kho, như giao dịch có thật. T ký tên vào hóa đơn, các chứng từ và đóng dấu của Công ty Hùng Cường Phát, sau đó H trực tiếp đến Công ty Hùng Cường Phát gặp T để lấy hóa đơn, chứng từ.

- *Việc thanh toán tiền mua bán hóa đơn GTGT:* Để hợp thức giao dịch thanh toán qua ngân hàng đối với các hóa đơn trên thì khi các Công ty Seojin, Công ty Nhôm Đông Á, Công ty Chang Xin, Công ty Hyundai Vina chuyển khoản thanh toán tiền hàng từ tài khoản của các công ty này đến tài khoản số 43310000597118 và số 838698888888 của Công ty Hùng Cường Phát mở tại Ngân hàng BIDV và ngân hàng ACB chi nhánh T thì Thịnh nhờ Hà Thị H, sinh năm 1992, ở xã V, huyện Y, tỉnh B rút toàn bộ số tiền ra đưa cho T rồi T trả lại cho H. Hoặc có lần khi các công ty thanh toán chuyển khoản tiền hàng vào tài khoản của Công ty Hùng Cường Phát thì T không rút ra mà ủy nhiệm chi đến tài khoản của các công ty bán hóa đơn đầu vào cho Công ty Hùng Cường Phát để hợp thức hóa việc thanh toán tiền hàng, sau đó mới chỉ đạo H dùng giấy giới thiệu và Séc rút tiền, rút toàn bộ số tiền ra trả lại cho H. Sau khi nhận được tiền thì H trả tiền mua không hóa đơn với giá 2,6% cho T. Việc giao nhận tiền không có giấy tờ hoặc sổ sách ghi chép.

Với cách thức nêu trên, trong thời gian từ tháng 3/2021 đến tháng 10/2021, Trần Thị T đã xuất bán không 37 số hóa đơn GTGT mang tên đơn vị bán hàng là Công ty Hùng Cường Phát cho Công ty Seojin, Công ty Nhôm Đông Á, Công ty Chang Xin Việt Nam, Công ty Hyundai Vina với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế là: 123.885.739.000 đồng, tiền thuế 12.388.573.900đ. Cụ thể:

- Xuất bán không cho Công ty Seojin 16 số hóa đơn GTGT, với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế là 59.321.409.000 đ, tiền thuế 5.932.140.900 đ;

- Xuất bán không cho Công ty Nhôm Đông Á 08 số hóa đơn GTGT, với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế là 34.474.603.000đ, tiền thuế 3.447.460.300 đ;

- Xuất bán không cho Công ty Chang Xin 11 số hóa đơn GTGT, với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế là 25.435.227.000đ, tiền thuế 2.543.522.700đ;

- Xuất bán không cho Công ty Hyundai Vina 02 số hóa đơn GTGT, với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế là 4.654.500.000đ, tiền thuế 465.450.000đ.

Tổng số tiền Trần Thị T nhận được từ việc bán 37 số hóa đơn GTGT không là: 123.885.739.000 đ x 2,6% = **3.221.029.214đ**.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, làm việc với đại diện của Công ty Seojin, Công ty Nhôm Đông Á, Công ty Chang Xin, Công ty Hyundai Vina, xác định: Các công ty đều mua hàng hóa có thật của một người phụ nữ tên H và một người đàn ông tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) những người này đều trình bày là nhân viên của Công ty Hùng Cường Phát. Việc mua bán có hóa đơn, chứng từ đầy đủ và đã thanh toán tiền hàng bằng hình thức chuyển khoản đầy đủ cho công ty Hùng Cường Phát. Không có việc mua hóa đơn không hoặc biết rõ hóa đơn là bất hợp pháp nhưng vẫn sử dụng.

*** *Hành vi mua không hóa đơn GTGT:***

Để hợp thức hóa 37 số hóa đơn GTGT đã bán ra, T đã liên hệ, thỏa thuận mua không 54 số hóa đơn GTGT của 03 công ty, với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là: 123.540.710.000đ, tiền thuế 12.354.071.000đ với giá 2,5% tổng giá trị tiền hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn, cụ thể:

- *Mua không của bị cáo Phạm Thị H - Giám đốc Công ty Hà Huy 24 số hóa đơn GTGT mang tên đơn vị bán hàng Công ty Hà Huy (với cách thức như nêu phần trên). Tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn 64.146.135.000đ, tiền thuế 6.414.613.500 đ với giá 2,5% tổng giá trị tiền hàng hóa chưa thuế ghi trên hóa đơn*

- *Mua không hóa đơn GTGT của Công ty TNHH thương mại Duy Phát KB (viết tắt là Công ty Duy Phát KB):*

Khoảng tháng 9/2021, T liên hệ với Trần Đức T, sinh năm 1984, HKTT: Khu phố Đ, phường C, thành phố T, tỉnh B - Giám đốc Công ty Duy Phát KB, hỏi mua không hóa đơn GTGT, T đồng ý, thỏa thuận bán cho T với giá 2,5% trên tổng

trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn.

T và T thỏa thuận: Khi nào T cần mua hóa đơn GTGT không thì T liên lạc với T cung cấp số lượng, chủng loại hàng hóa, đơn giá và thông tin doanh nghiệp để T chỉ đạo Ngô Thị G (kế toán thuế Công ty Duy Phát KB) soạn thảo hợp đồng kinh tế, còn T viết hóa đơn, biên bản giao nhận hàng hóa, phiếu xuất kho, nhập kho như giao dịch có thật. Sau đó, T ký tên tại mục thủ trưởng đơn vị trên hóa đơn, chứng từ và đóng dấu của Công ty Duy Phát KB rồi chuyển lại toàn bộ hóa đơn, chứng từ cho T. Còn việc hợp thức hóa thanh toán chuyển khoản tiền hàng ghi trên hóa đơn thì trước khi Công ty Hùng Cường Phát thanh toán chuyển khoản tiền hàng cho Công ty Duy Phát KB, T yêu cầu T cung cấp cho T giấy giới thiệu và Sec rút tiền mặt đã được T ký tên, đóng dấu sẵn của Công ty Duy Phát KB. Sau đó, T ủy nhiệm chi thanh toán tiền hàng từ số tài khoản 838698888888 của Công ty Hùng Cường Phát mở tại Ngân hàng ACB Chi nhánh T đến tài khoản số 56166888888 của Công ty Duy Phát KB mở tại Ngân hàng ACB Chi nhánh T rồi chỉ đạo Hà Thị H, dùng giấy giới thiệu và Sec rút tiền mặt đã được T ký không đưa trước đó đến ngân hàng rút toàn bộ số tiền mang về đưa cho T. T trả tiền mặt mua không hóa đơn GTGT với giá 2,5% cho T. Việc giao nhận tiền giữa T và T như nêu trên không có giấy tờ hoặc sổ sách ghi chép.

Với cách thức trên từ tháng 9 -10 /2021 T đã mua không 18 số hóa đơn GTGT của Công ty Duy Phát KB, với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là 25.198.929.000đ, tiền thuế 2.519.892.900đ.

- Mua không hóa đơn GTGT của Công ty Công ty Phú An:

Tháng 8/2021, T liên lạc với Trần Thị T, sinh năm 1994, HKTT: Khu phố Đ, phường C, TP. T, tỉnh B - Giám đốc Công ty Phú An, địa chỉ: Khu phố Đ, phường C, TP. T, tỉnh B hỏi mua không hóa đơn GTGT, T đồng ý, thỏa thuận bán cho T với giá 2,5% trên tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn.

Việc thỏa thuận và cách thức thực hiện việc mua bán hóa đơn giữa Công ty Hùng Cường Phát với Công ty Phú An được thực hiện tương tự như với đối với Công ty Duy Phát KB. Với cách thức này từ tháng 8 -10 /2021 T đã mua không 12 số hóa đơn GTGT của Công ty Phú An, với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là 34.195.646.000đ, tiền thuế 3.419.564.600đ.

Tổng số tiền T phải trả cho việc mua không 52 số hóa đơn GTGT (T mua 54 số hóa đơn GTGT nhưng có 02 số hóa đơn chưa kê khai báo cáo thuế) của 03 công ty là: $123.540.710.000đ \times 2,5\% = 3.088.517.750đ$.

Như vậy, số tiền Trần Thị T được hưởng lợi từ việc mua, bán trái phép hóa đơn GTGT là: $3.221.029.214đ - 3.088.517.750đ = 132.511.464đ$

**** Việc kê khai, báo cáo thuế đối với các số hóa đơn mua bán không***

Khi đến kỳ báo cáo thuế, báo cáo tài chính, trên cơ sở các hóa đơn, chứng từ T chỉ đạo Ngô Thị G (kế toán thuế thời vụ của công ty) tập hợp các chứng từ

đầu ra, đầu vào để kê khai, báo cáo. Toàn bộ 52 số hóa đơn GTGT mua vào và 37 số hóa đơn GTGT bán ra đã được Công ty Hùng Cường Phát kê khai báo cáo thuế tại Chi cục thuế khu vực T - Y.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Trần Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên và đã tự nguyện giao nộp số tiền hưởng lợi bất chính 132.512.000đ.

4. Hành vi phạm tội của Trần Đức T- Giám đốc Công ty Duy Phát KB

Trên cơ sở kết quả điều tra các công ty bán không hóa đơn đầu vào cho Công ty Hùng Cường Phát do Trần Thị T làm giám đốc, xác định: Công ty Duy Phát KB (Công ty một thành viên) có trụ sở đặt tại Khu phố Đ, phường C, TP. T, tỉnh B, được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh B cấp giấy phép thành lập ngày 24/8/2021, do Trần Đức T, sinh năm 1984, HKTT: Khu phố Đ, phường C, TP. T, tỉnh B làm giám đốc, đại diện theo pháp luật và kiêm Kế toán trưởng của công ty; Kế toán thuế là Ngô Thị G, sinh năm 1984, ở T - TP. T - B. Do là Công ty một thành viên, hoạt động kinh doanh thương mại, nên không thành lập phòng, ban và thuê nhân viên. Công ty Duy Phát KB bán không 18 số hóa đơn GTGT cho Công ty Hùng Cường Phát.

Ngày 07/12/2022 Trần Đức T đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận như sau:

*** *Hành vi bán không hóa đơn GTGT:***

- Tháng 9/2021, Trần Thị T- Giám đốc Công ty Hùng Cường Phát liên hệ với Trần Đức T hỏi mua không hóa đơn GTGT của Công ty Duy Phát KB để hợp thức hóa số hóa đơn GTGT mà Công ty Hùng Cường Phát đã xuất bán không trước đó. T đồng ý, thỏa thuận bán hóa đơn GTGT cho T với giá 2,5% trên tổng giá trị tiền hàng hóa chưa tính thuế ghi trên hóa đơn (với cách thức như đã nêu phần trên). Từ tháng 9-10/2021 T đã bán cho T 18 số hóa đơn GTGT mang tên đơn vị bán hàng Công ty Duy Phát KB với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là: 29.907.999.600đ, tiền thuế là: 2.990.799.960đ.

- Ngoài hành vi bán hóa đơn GTGT không cho Trần Thị T thì T còn xuất bán không 12 số hóa đơn GTGT cho Công ty TNHH một thành viên thương mại tổng hợp Tài Đức (viết tắt là Công ty Tài Đức), địa chỉ tại: Ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh H, cụ thể: Tháng 9/2022 một người đàn ông tên N (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ) đến trụ sở Công ty Duy Phát KB gặp và đặt vấn đề với T về việc mua không hóa đơn GTGT, T đồng ý, thỏa thuận việc bán hóa đơn GTGT không cho N với giá 2,5%/ tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn.

Cách thức thực hiện hành vi: T và N thống nhất khi N có nhu cầu mua không hóa đơn GTGT thì gọi điện cho T báo số lượng, chủng loại, giá cả hàng hóa, thông tin doanh nghiệp cần xuất hóa đơn để T soạn thảo hợp đồng, viết hóa đơn, chứng từ, biên bản giao nhận hàng hóa, phiếu xuất kho, như giao dịch có thật. T ký tên

vào hóa đơn, các chứng từ và đóng dấu của Công ty Duy Phát KB, sau đó N trực tiếp đến Công ty Duy Phát KB gặp T lấy hóa đơn, chứng từ.

Việc thanh toán tiền mua bán hóa đơn GTGT: Để hợp thức giao dịch thanh toán qua ngân hàng đối với các hóa đơn trên thì khi Công ty Tài Đức chuyển khoản thanh toán tiền hàng từ tài khoản số 73710000236610 của Công ty Tài Đức đến tài khoản số 116602606868 của Công ty Duy Phát KB mở tại ngân hàng ACB chi nhánh T thì T cùng N ra ngân hàng hoặc T nhờ chị Trần Thị T (vợ T) đi ra ngân hàng rút toàn bộ số tiền ra đưa cho T rồi T trả lại cho N. Sau khi nhận được tiền thì N trả tiền mua không hóa đơn với giá 2,5% cho T. Việc giao nhận tiền giữa T và N như nêu trên không có giấy tờ hoặc sổ sách ghi chép.

Với cách thức trên tháng 9/2022 T bán không cho N 12 số hóa đơn GTGT với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế là: 1.883.000.300đ, tiền thuế là: 188.300.030đ

Như vậy, trong thời gian tháng 9-10/2021 và tháng 9/2022 T đã xuất bán không 30 số hóa đơn GTGT mang tên đơn vị bán hàng là Công ty Duy Phát KB cho Công ty Hùng Cường Phát và Công ty Tài Đức với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế là: 31.790.999.900đ, tiền thuế 3.179.099.990đ.

Tổng số tiền Trần Đức T nhận được từ việc bán 30 số hóa đơn GTGT không là: 31.790.999.900đ x 2,5% = **794.774.998đ**

**** Hành vi mua không hóa đơn GTGT:***

Để hợp thức hóa kê khai báo cáo thuế đối với 30 số hóa đơn GTGT xuất bán không, T liên hệ với một người tên H (không rõ nhân thân, lai lịch) mua không 48 số hóa đơn GTGT mang tên đơn vị bán hàng là Công ty TNHH thương mại tổng hợp Duy Hiếu (Viết tắt là Công ty Duy Hiếu), địa chỉ tại: Khu L, thị trấn B, huyện K, tỉnh H, và Công ty TNHH thương mại xây dựng vận tải Tuyết Minh (viết tắt là Công ty Tuyết Minh), địa chỉ tại thôn C, xã L, huyện L, tỉnh B, với giá với giá 2% trên tổng giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn cụ thể như sau:

Đầu tháng 11/2021, Huy đến Công ty Duy Phát KB gặp trực tiếp T, giới thiệu là nhân viên của Công ty Duy Hiếu và chào bán các loại mặt hàng sắt thép, phế liệu, nhôm với giá cả hợp lý, T đã đặt vấn đề mua hóa đơn GTGT không của H.

- *Cách thức thực hiện hành vi:* T và H thống nhất khi T có nhu cầu mua không hóa đơn GTGT thì gọi điện cho H báo số lượng, chủng loại, mặt hàng, giá cả hàng hóa và thông tin doanh nghiệp để H soạn thảo hợp đồng, viết hóa đơn, biên bản giao nhận hàng hóa, phiếu xuất kho, như giao dịch có thật. Sau đó, H trực tiếp mang chứng từ đã được ký tên, đóng dấu của Công ty Duy Hiếu, Công ty Tuyết Minh và tiền mặt (tương ứng với tổng số tiền hàng ghi trên hóa đơn) đến Công ty Duy Phát KB đưa cho T. Sau khi H đưa tiền, T trực tiếp hoặc nhờ Trần Thị T (vợ T) nộp tiền vào tài khoản số 43310000669947 của Công ty Duy Phát KB mở tại ngân hàng BIDV chi nhánh T. Sau khi nộp tiền vào tài khoản T làm thủ tục

ủy nhiệm chi thanh toán toàn bộ tiền hàng vào tài khoản số 19038114701015 của Công ty Duy Hiếu mở tại ngân hàng Techcombank chi nhánh T và tài khoản số 222100005003463 của Công ty Tuyết Minh, mở tại ngân hàng BIDV chi nhánh T, TP H. T trả tiền mua không hóa đơn với giá 2% cho H, việc giao nhận tiền không có giấy tờ hoặc sổ sách ghi chép.

Với cách thức trên từ tháng 11-12/2021 T mua không của H 48 số hóa đơn GTGT với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là **31.490.478.681đ**, tiền thuế **3.149.047.868đ**, gồm:

- 25 số hóa đơn GTGT mang tên đơn vị bán hàng là Công ty Duy Hiếu, với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là 28.710.883.541đ, tiền thuế 2.871.088.354đ.

- 23 số hóa đơn GTGT mang tên đơn vị bán hàng là Công ty Tuyết Minh, với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là 2.779.595.140đ, tiền thuế 277.959.514đ.

Tổng số tiền Tiệp phải trả cho việc mua không 48 số hóa đơn GTGT của 02 công ty thông Quang Huy là: 31.490.478.681đ x 2% = **629.809.575đ**.

Như vậy, số tiền Trần Đức T được hưởng lợi từ việc mua, bán trái phép hóa đơn GTGT là: 794.774.998đ - 629.809.575đ = **164.965.423đ**

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Trần Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên và đã tự nguyện giao nộp số tiền hưởng lợi bất chính 164.966.000đ.

Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh 02 công ty (Công ty Duy Hiếu và Công ty Tuyết Minh) đã xuất bán hóa đơn không đầu vào cho T; xác minh làm việc với giám đốc, người đại diện của các công ty trên, kết quả: 02 công ty không treo biển hoạt động tại trụ sở đã đăng ký với cơ quan thuế. Đối với Đinh Duy H, sinh năm 1987, ở Đội 3, xã P, huyện S, tỉnh T làm giám đốc, đại diện pháp luật của công ty Duy Hiếu, hiện không có mặt tại địa phương, chính quyền và gia đình không biết H đi đâu, làm gì. Đối với Đinh Thị Tuyết M, sinh năm 1953, HKTT: đường T, phường T, TP. B, tỉnh B làm giám đốc, đại diện pháp luật của Công ty Tuyết Minh trình bày không đứng tên thành lập, cũng không được ai thuê đứng tên thành lập công ty..

**** Việc kê khai, báo cáo thuế đối với các số hóa đơn mua bán không***

Khi đến kỳ báo cáo thuế, báo cáo tài chính, trên cơ sở các hóa đơn, chứng từ T chỉ đạo Ngô Thị G- kế toán thuế của Công ty Duy Phát KB tập hợp các chứng từ đầu ra, đầu vào để kê khai, báo cáo. Toàn bộ các số hóa đơn GTGT mua vào và bán ra đã được Công ty Huy Phát KB kê khai báo cáo thuế tại Chi cục thuế khu vực T - Y.

5. Hành vi phạm tội của Trần Thị T- Giám đốc Công ty Phú An

Trên cơ sở kết quả điều tra các công ty bán không hóa đơn đầu vào cho Công ty Hùng Cường Phát do Trần Thị T làm giám đốc, xác định: Công ty Phú An (Công ty một thành viên) có trụ sở đặt tại Khu phố Đ, phường C, TP. T, tỉnh B, được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh B cấp giấy phép thành lập ngày 18/12/2020, do Trần Thị T, sinh năm 1994, HKTT: Khu phố Đ, phường C, TP. T, tỉnh B làm giám đốc, đại diện theo pháp luật và kiêm Kế toán trưởng của công ty. Do là Công ty một thành viên, hoạt động kinh doanh thương mại, nên không thành lập phòng, ban và thuê nhân viên. Công ty Phú An bán không 12 số hóa đơn GTGT cho Công ty Hùng Cường Phát.

Ngày 11/3/2023 Trần Thị T đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận như sau:

*** *Hành vi bán không hóa đơn GTGT:***

Tháng 8/2021, Trần Thị T- Giám đốc Công ty Hùng Cường Phát liên hệ với Trần Thị T hỏi mua không hóa đơn GTGT của Công ty Phú An để hợp thức hóa số hóa đơn GTGT mà Công ty Hùng Cường Phát đã xuất bán không trước đó. T đồng ý, thỏa thuận bán hóa đơn GTGT cho T với giá 2,5% trên tổng giá trị tiền hàng hóa chưa tính thuế ghi trên hóa đơn (với cách thức như đã nêu phần trên). Từ tháng 8-10/2021 T đã bán cho T 12 số hóa đơn GTGT mang tên đơn vị bán hàng Công ty Phú An với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là: 34.195.646.000đ, tiền thuế là: 3.419.564.600đ.

Tổng số tiền T nhận được từ việc bán 12 số hóa đơn GTGT không là:
 $34.195.646.000đ \times 2,5\% = 854.891.150đ$.

*** *Hành vi mua không hóa đơn GTGT:***

Để cân đối 12 số hóa đơn GTGT đã xuất bán không cho T, thông qua một người đàn ông tên H, ở H (T không biết rõ nhân thân, lai lịch) T mua không 12 số hóa đơn GTGT mang tên đơn vị bán hàng là Công ty TNHH xây dựng và dịch vụ thương mại 58 (viết tắt là Công ty 58), địa chỉ tại: Số nhà 10, tổ 5, đường Đ, phường H, quận D, TP. H; Công ty TNHH xây dựng thương mại và dịch vụ 595 (viết tắt là Công ty 595), địa chỉ tại số 225, đường 208 V, xã A, huyện A, TP. H và Công ty TNHH cơ khí An Trung (viết tắt là Công ty An Trung), địa chỉ tại: T, phường A, TP. H, với giá với giá 2,4% trên tổng giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn, cụ thể như sau:

Tươi liên lạc với người đàn ông tên H (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ) thỏa thuận giá cả, cách thức mua bán không hóa đơn. Theo đó khi cần mua hóa đơn GTGT không thì T gọi điện cho H báo số lượng, chủng loại mặt hàng, giá thành của loại hàng hóa cần xuất hóa đơn để Hải soạn thảo hợp đồng, viết hóa đơn, biên bản giao nhận hàng hóa, phiếu xuất kho, nhập kho như giao dịch có thật. Sau đó, H mang các chứng từ kèm theo giấy rút tiền mặt, giấy giới thiệu không đã được ký tên, đóng dấu sẵn của các Công ty 58, Công ty 595 và Công ty An Trung

đến cho T.

Khi Tươi ủy nhiệm chi thanh toán tiền hàng từ tài khoản ngân hàng số 43310000606537 của Công ty Phú An mở tại ngân hàng BIDV Chi nhánh T đến các số tài khoản 43310000655405 của Công ty 58; tài khoản số 32110001233349 của Công ty 595 và tài khoản số 32110001257002 của Công ty An Trung thì ngay sau đó, T điền nội dung thông tin vào giấy rút tiền mặt, giấy giới thiệu không mà Hải đưa trước đó rồi nhờ Phạm Thị C, sinh năm 1990, HKTT: Khu phố Đ, phường C, TP. T, tỉnh B đến ngân hàng rút toàn bộ số tiền mà công ty Phú An ủy nhiệm chi thanh toán tiền hàng đến các công ty trên. T trả công cho C mỗi mã giao dịch từ 100.000 đ đến 200.000đ và trả tiền mua không hóa đơn với giá 2,4% cho H, việc giao nhận tiền giữa T với H như nêu trên không có giấy tờ hoặc sổ sách ghi chép.

Với cách thức trên từ tháng 8-10/2021T mua không của H 12 số hóa đơn GTGT của 03 công ty với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là **33.867.621.810đ**, tiền thuế **3.386.762.181đ**, gồm:

- 06 số hóa đơn GTGT mang tên đơn vị bán hàng là Công ty 58, với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là 19.998.250.970đ, tiền thuế 1.999.825.097đ.

- 02 số hóa đơn GTGT mang tên đơn vị bán hàng là Công ty 595, với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là 1.776.053.080đ, tiền thuế 177.605.308đ.

- 04 số hóa đơn GTGT mang tên đơn vị bán hàng là Công ty An Trung, với tổng trị giá tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là 12.103.317.700đ, tiền thuế 1.210.331.770đ.

Tổng số tiền T phải trả cho việc mua không 12 số hóa đơn GTGT của 03 công ty thông qua H là: $33.867.621.810đ \times 2,4\% = 812.822.924đ$

Như vậy, số tiền Trần Thị T được hưởng lợi từ việc mua, bán trái phép hóa đơn GTGT là: $854.891.150đ - 812.822.924đ = 42.068.226đ$

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Trần Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên và đã tự nguyện giao nộp số tiền hưởng lợi bất chính **42.068.226đ**.

Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh 03 công ty (Công ty 58, Công ty 595 và Công ty An Trung) đã xuất bán hóa đơn không đầu vào cho T; xác minh làm việc với giám đốc, người đại diện của các doanh nghiệp trên, kết quả: 03 công ty không treo biển hoạt động tại trụ sở đã đăng ký với cơ quan thuế, những người đứng tên giám đốc công ty thì không có mặt tại địa phương, không ai biết đi đâu, làm gì.

** Việc kê khai, báo cáo thuế đối với các số hóa đơn mua bán không*

Toàn bộ số hóa đơn GTGT xuất ra, mua vào không Trần Thị T không thực hiện kê khai, báo cáo thuế.

6. Về vật chứng của vụ án và trách nhiệm dân sự

- Quá trình điều tra bị cáo Phạm Thị H giao nộp 422.441.000đ; Trần Thị T giao nộp 132.512.000đ; Trần Đức T giao nộp 164.966.000đ; Trần Thị T giao nộp 42.069.000đ; Đặng Tuấn A giao nộp 90.911.000đ để khắc phục hậu quả cho hành vi phạm tội của mình.

Với nội dung trên, Cáo trạng số 63/CT-VKS-P1 ngày 21 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố Phạm Thị H, Trần Thị T, Trần Đức T về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; Đặng Tuấn A về tội “Mua bán trái phép hóa đơn theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; Trần Thị T về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Thị H, Trần Thị T, Trần Đức T, Đặng Tuấn A, Trần Thị T thừa nhận, khai nhận hành vi của bản thân đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố.

Bị cáo H trình bày đã xuất bán không 91 số hóa đơn GTGT mang tên công ty Hà Huy với tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn 112.882.915.478đ với giá từ 2,4%- 2,5% và mua không 85 số hóa đơn đầu vào với tổng tiền hàng ghi trên hóa đơn 11.947.432.605đ với giá 2,1%. Tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 422.440.022đ. Quá trình điều tra, bị cáo và gia đình đã giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 442.441.000đ, số tiền còn thừa bị cáo không yêu cầu nhận lại.

Bị cáo T khai nhận từ tháng 09/2021 đến tháng 12/2021, bị cáo đã xuất bán không 30 số hóa đơn GTGT mang tên Công ty Duy Phát KB với tổng trị giá tiền hàng 31.790.999.900đ với giá 2,5% và mua không 48 số hóa đơn GTGT đầu vào với tổng tiền hàng ghi trên hóa đơn là 31.490.478.681đ với giá 2%. Bị cáo thu lợi bất chính là 164.965.423đ. Quá trình điều tra, bị cáo và gia đình đã giao nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính 164.966.000đ, số tiền còn thừa bị cáo không yêu cầu nhận lại.

Bị cáo T trình bày từ tháng 3/2021 đến tháng 11/2021 bị cáo đã xuất bán không 37 số hóa đơn GTGT mang tên đơn vị bán hàng Công ty Hùng Cường Phát với tổng trị giá tiền hàng ghi trên hóa đơn 123.885.739.000đ, với giá 2,6% và mua không 52 số hóa đơn GTGT đầu vào với tổng tiền hàng ghi trên hóa đơn 123.540.710.000đ, với giá 2,5%. Bị cáo thu lợi bất chính 132.511.464đ và đã nộp toàn bộ tại Cơ quan điều tra 132.512.000đ, số tiền còn thừa bị cáo không yêu cầu nhận lại.

Bị cáo Tuấn A khai nhận từ tháng 11/2020 đến tháng 03/2021 bị cáo đã xuất bán không 94 số hóa đơn GTGT mang tên đơn vị bán hàng Công ty Duệ Trí

với tổng trị giá tiền hàng ghi trên hóa đơn 42.090.164.205đ, với giá 2,6% và mua không 60 số hóa đơn GTGT đầu vào của Phạm Thị H với tổng tiền hàng ghi trên hóa đơn 41.809.752.978đ, với giá 2,4%. Bị cáo Tuấn A thu lợi bất chính 90.910.198đ và đã nộp lại toàn bộ tại Cơ quan điều tra 90.911.000đ, số tiền còn thừa bị cáo không yêu cầu nhận lại. Bị cáo còn nộp thêm 200.200.000đ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh để khắc phục hậu quả.

Bị cáo T khai nhận từ tháng 8/2021 đến tháng 10/2021 bị cáo đã xuất bán không 12 số hóa đơn GTGT mang tên đơn vị bán hàng Công ty Phú An với tổng trị giá tiền hàng ghi trên hóa đơn 34.195.646.000đ, với giá 2,5% và mua không 12 số hóa đơn GTGT đầu vào với tổng tiền hàng ghi trên hóa đơn 33.867.621.810đ, với giá 2,4%. Bị cáo thu lợi bất chính 42.068.226đ. Bị cáo và gia đình đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính 42.069.000đ tại Cơ quan điều tra, số tiền còn thừa bị cáo không yêu cầu nhận lại. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo có nộp thêm 50.200.000đ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh để khắc phục hậu quả.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chị Đỗ Thị Mỹ H trình bày chị đã tự nguyện nộp số tiền 83.620.000đ số tiền hưởng lợi bất chính của chồng là Đặng Tuấn A. Chị không có yêu cầu gì về khoản tiền này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, anh Trần Đình H trình bày anh tự nguyện nộp số tiền 89.345.064đ số tiền hưởng lợi bất chính của vợ là Trần Thị T. Anh không có yêu cầu gì về khoản tiền này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chị Trần Thị T trình bày chị đã tự nguyện nộp số tiền 126.000.000đ số tiền hưởng lợi bất chính của chồng là Trần Đức T. Chị không có yêu cầu gì về khoản tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội giữ nguyên Cáo trạng truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đã đề nghị HĐXX: Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị H, Trần Thị T, Trần Đức T, Đặng Tuấn A, Trần Thị T phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”

Áp dụng điểm d, đ khoản 2, 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Phạm Thị H từ 18 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng kể từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung bị cáo từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ

Trần Thị T từ 16 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 32 đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ.

Trần Đức T từ 16 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 32 tháng đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt Đặng Tuấn A từ 200.000.000 đồng đến 230.000.000 đồng. Xác nhận bị cáo Đặng Tuấn A đã nộp 200.200.000đ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm s, i khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Thị T từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng. Xác nhận bị cáo T đã nộp 50.200.000đ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Về vật chứng: Áp dụng điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo thu lợi bất chính 852.899.000 đồng. Trong đó bị cáo Phạm Thị H 422.440.022đ; Trần Thị Thịnh 132.511.464đ; Trần Đức T 164.965.423đ; Trần Thị T 42.068.226đ; Đặng Tuấn A 90.910.198đ. Xác nhận các bị cáo và gia đình đã nộp đủ số tiền này trong quá trình điều tra.

Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị xin giảm nhẹ cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về tội danh: Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, người làm chứng tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh thấy việc mua bán không hóa đơn GTGT (không có hàng hóa dịch vụ kèm theo) dễ dàng thực hiện và thu lợi cao nên Phạm Thị H là giám đốc, đại

diện pháp luật của Công ty Hà Huy; Đặng Tuấn A là giám đốc, đại diện pháp luật của Công ty Duệ Trí; Trần Thị T là giám đốc, đại diện pháp luật của Công ty Hùng Cường Phát; Trần Đức T là giám đốc, đại diện pháp luật của Công ty Duy Phát KB; Trần Thị T là giám đốc, đại diện pháp luật của Công ty Phú An đã thực hiện hành vi mua bán không hóa đơn GTGT thu lợi bất chính, cụ thể:

- Từ tháng 11/2020 đến tháng 10/2021 Phạm Thị H đã xuất bán không **91** số hóa đơn GTGT mang tên đơn vị bán hàng Công ty Hà Huy với tổng trị giá tiền hàng ghi trên hóa đơn **112.882.915.478đ**, với giá từ 2,4-2,5% và mua không **85** số hóa đơn GTGT đầu vào với tổng tiền hàng ghi trên hóa đơn **111.947.432.605đ**, với giá 2,1%/ tổng giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn để cân đối, hợp thức hóa việc kê khai báo cáo thuế cho công ty Hà Huy. Với việc mua, bán không hóa đơn GTGT nêu trên H đã thu lợi bất chính **422.440.022đ**.

- Từ tháng 9/2021 đến tháng 12/2021 Trần Đức T đã xuất bán không **30** số hóa đơn GTGT mang tên đơn vị bán hàng Công ty Duy Phát KB với tổng trị giá tiền hàng ghi trên hóa đơn **31.790.999.900đ**, với giá 2,5% và mua không **48** số hóa đơn GTGT đầu vào với tổng tiền hàng ghi trên hóa đơn **31.490.478.681đ**, với giá 2%. Với việc mua, bán không hóa đơn GTGT nêu trên Trần Đức T thu lợi bất chính **164.965.423đ**.

- Từ tháng 3/2021 đến tháng 11/2021 Trần Thị T đã xuất bán không **37** số hóa đơn GTGT mang tên đơn vị bán hàng Công ty Hùng Cường Phát với tổng trị giá tiền hàng ghi trên hóa đơn **123.885.739.000đ**, với giá 2,6% và mua không **52** số hóa đơn GTGT đầu vào với tổng tiền hàng ghi trên hóa đơn **123.540.710.000đ**, với giá 2,5%. Với việc mua, bán không hóa đơn GTGT nêu trên Trần Thị T thu lợi bất chính **132.511.464đ**.

- Từ tháng 11/2020 đến tháng 03/2021 Đặng Tuấn A đã xuất bán không **94** số hóa đơn GTGT mang tên đơn vị bán hàng Công ty Duệ Trí với tổng trị giá tiền hàng ghi trên hóa đơn **42.090.164.205đ**, với giá 2,6% và mua không **60** số hóa đơn GTGT đầu vào của Phạm Thị H với tổng tiền hàng ghi trên hóa đơn **41.809.752.978đ**, với giá 2,4%. Với việc mua, bán không hóa đơn GTGT nêu trên Tuấn A thu lợi bất chính **90.910.198đ**.

- Từ tháng 8/2021 đến tháng 10/2021 Trần Thị T đã xuất bán không **12** số hóa đơn GTGT mang tên đơn vị bán hàng Công ty Phú An với tổng trị giá tiền hàng ghi trên hóa đơn **34.195.646.000đ**, với giá 2,5% và mua không **12** số hóa đơn GTGT đầu vào với tổng tiền hàng ghi trên hóa đơn **33.867.621.810đ**, với giá 2,4%. Với việc mua, bán không hóa đơn GTGT nêu trên Trần Thị T thu lợi bất chính **42.068.226đ**.

Vì vậy, có đủ căn cứ để xét xử bị cáo Phạm Thị H, Trần Thị T, Trần Đức T về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; Đặng Tuấn A về tội “Mua bán trái phép hóa đơn theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; Trần Thị T về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng truy tố là phù hợp.

[3]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tới trật tự quản lý của nhà nước về tài chính, kinh tế, ảnh hưởng xấu đến sản xuất, kinh doanh. Do vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, HĐXX nhận thấy:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã ra đầu thú; tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, tích cực khắc phục hậu quả. Do vậy các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đặng Tuấn A có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị N được tặng huy chương kháng chiến hạng Nhất; bố đẻ là ông Đặng Quốc T được tặng huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Ba; bị cáo đã tích cực tham gia ủng hộ từ thiện, ủng hộ các hoạt động phòng chống covid tại địa phương, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Nhận thấy, các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần chiếu cố, khoan hồng, xử phạt các bị cáo Phạm Thị H, Trần Thị T, Trần Đức T cải tạo tại địa phương cũng có thể giáo dục thành người lương thiện; các bị cáo Đặng Tuấn A, Trần Thị T hình phạt chính là phạt tiền như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo thực hiện hành vi hưởng lợi bất chính nên cần phạt tiền đối với các bị cáo H, T, T. Do áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo T, T.

[5]. Về vật chứng: Tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo thu lợi bất chính 852.899.000 đồng. Trong đó bị cáo Phạm Thị H 422.440.022đ; Trần Thị T 132.511.464đ; Trần Đức T 164.965.423đ; Trần Thị T 42.068.226đ; Đặng Tuấn A 90.910.198đ.

Xác nhận bị cáo H đã nộp 40.427.000đ và tác động gia đình anh Phạm Văn S (chồng bị cáo H) nộp thay 382.014.000đ; bị cáo T đã nộp 38.966.000đ và tác động gia đình chị Trần Thị T (vợ của bị cáo T) nộp thay 126.000.000đ; bị cáo T đã nộp 43.167.000đ và tác động gia đình anh Trần Đình H (chồng của bị cáo T) nộp thay 89.345.064đ; bị cáo Tuấn A nộp 7.291.000đ và tác động gia đình chị Đỗ Thị Mỹ H (vợ bị cáo Tuấn A) đã nộp thay 83.620.000đ trong quá trình điều tra. Số tiền nay cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6]. Về những vấn đề khác:

- Đối với các cá nhân, đơn vị liên quan đến Công ty Hà Huy do Phạm Thị H làm giám đốc, gồm: Trần Văn T- Kế toán trưởng được H nhờ đứng tên kế toán trưởng và rút tiền từ tài khoản của công ty Hà Huy, không tham gia điều hành hoạt động kinh doanh; Nguyễn Thị H - kế toán Thuế, được H thuê theo thời vụ để thực hiện việc kê khai báo cáo thuế và viết hóa đơn GTGT, ký tên vào mục người bán hàng trên hóa đơn. T và H đều làm theo chỉ đạo, yêu cầu của H không biết và không được H nói cho biết việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT và không được hưởng lợi gì nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với người đàn ông tên C, theo H khai là người bán hóa đơn GTGT không đầu vào cho H, qua xác minh, làm việc theo thông tin bị cáo H cung cấp xác định là Nguyễn Văn C, sinh năm 1977, ở khu phố Đ, phường C, TP. T. C trình bày có quen biết với H tuy nhiên C không biết việc mua bán hóa đơn GTGT của H, không bán không hóa đơn GTGT cho H. Cơ quan điều tra cho H và C đối chất nhưng H và C giữ nguyên lời khai. Với các tài liệu điều tra, chưa đủ cơ sở để xem xét xử lý C, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra khi nào có căn cứ đề nghị xử lý sau là phù hợp.

Đối với các cá nhân liên quan đến Công ty Duệ Trí do Đặng Tuấn A làm giám đốc, gồm: Đỗ Thị Mỹ H (vợ bị cáo Tuấn A)- Đứng tên Kế toán trưởng, Nguyễn Đình H- Kế toán thuế của Công ty Duệ Trí không tham gia điều hành hoạt động của công ty, chỉ làm theo yêu cầu của bị cáo Tuấn A, không được bàn bạc và không biết việc Tuấn A thỏa thuận việc mua bán hóa đơn, không được hưởng lợi gì nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với Ngô Duy L, Phùng Bá C, Nguyễn Minh T - là nhân viên của công ty được Tuấn A nhờ ký tên vào mục người bán hàng trên hóa đơn GTGT. Những

người này đều làm theo chỉ đạo, yêu cầu của Tuấn A không được Tuấn A trao đổi, bàn bạc, thỏa thuận hay nói cho biết về hành vi mua bán trái phép hóa đơn nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Ngô Thị G là kế toán thuế thời vụ của Công ty Duy Phát KB và Phú An thực hiện việc báo cáo thuế, báo cáo tài chính theo định kỳ cho 2 công ty; Trần Thị T (vợ bị cáo T) được T nhờ đi rút tiền từ tài khoản của Công ty Duy Phát KB; Hà Thị H và Phạm Thị C được bị cáo T và T thuê (có trả công) đi rút tiền tại ngân hàng. Quá trình điều tra xác định những người này đều làm theo sự chỉ đạo, yêu cầu của bị cáo T, T và T, không biết việc các bị cáo mua bán trái phép hóa đơn GTGT nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với những người tự xưng tên là H, L là nhân viên của Công ty Hà Huy; T và T tự khai là nhân viên của Công ty Duệ Trí để bán không hóa đơn GTGT cho một số đơn vị, doanh nghiệp; người tên H mua không 37 số hóa đơn GTGT của Công ty Hùng Cường Phát; người tên H và T tự khai là nhân viên của Công ty Hùng Cường Phát bán hóa đơn GTGT cho một số đơn vị, doanh nghiệp; người tên H bán không hóa đơn GTGT cho bị cáo T; người tên N mua không hóa đơn của T và người tên H bán hóa đơn không đầu vào cho T đều là những người không rõ lai lịch, nhân thân, đến nay chưa xác định được lai lịch, nhân thân và địa chỉ cụ thể ở đâu. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với các doanh nghiệp sử dụng các số hóa đơn GTGT xuất bán không của các Công ty Hà Huy, Công ty Phú An, Công ty Duy Phát KB, Công ty Duệ Trí, với các tài liệu điều tra chưa đủ cơ sở xác định các doanh nghiệp này có hành vi mua không hóa đơn của các bị cáo để trốn thuế hay mua bán trái phép hóa đơn. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh khi nào có căn cứ sẽ đề nghị xử lý, đồng thời có văn bản đề nghị Cơ quan Thuế xem xét xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với các Công ty đã xuất bán không hóa đơn GTGT cho Công ty Hà Huy, Công ty Phú An, Công ty Duy Phát KB nhưng không hoạt động kinh doanh thực tế, Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch đầu tư các tỉnh, thành phố liên quan thu hồi Giấy phép đăng ký kinh doanh.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị H, Trần Thị T, Trần Đức T, Đặng Tuấn A, Trần Thị T phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2, 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Phạm Thị H 24 (hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 40.000.000đ.

Trần Thị T 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đ.

Trần Đức T 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đ

Giao bị cáo Phạm Thị H, Trần Thị T, Trần Đức T cho UBND phường C, thành phố T, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt Đặng Tuấn A 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Xác nhận bị cáo Tuấn A đã nộp 200.200.000đ theo Biên lai thu tiền số AA/2022/0000321 ngày 19/7/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

- Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Thị T 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Xác nhận bị cáo T đã nộp 50.200.000đ theo Biên lai thu tiền số AA/2022/0000325 ngày 20/7/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

2. Về vật chứng. Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền 852.895.333 đồng. Trong đó bị cáo Phạm Thị H 422.440.022đ; Trần Thị T 132.511.464đ; Trần Đức T 164.965.423đ; Trần Thị T 42.068.226đ; Đặng Tuấn A 90.910.198đ. Tạm giữ số

tiền các bị cáo cùng gia đình đã nộp 852.899.000đ theo Biên lai thu tiền số AA/2022/0000041 ngày 25/5/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh để bảo đảm thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án: Các bị cáo Phạm Thị H, Trần Thị T, Trần Đức T, Đặng Tuấn A, Trần Thị T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- CQCSĐT (PC03) Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PV06; PC 10 Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Xuân Tuấn